

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

Số 274 /CV-CT

V/v Công bố thông tin BCTC
hợp nhất giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30/06/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Văn Dũng
6. Nội dung thông tin công bố:

- 6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo của Ban Điều hành, Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của Công ty Kiểm toán KPMG, Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2026, Báo cáo KQKD hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026, Báo cáo LCTT hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026, Thuyết minh BCTC hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026.
- 6.2 Các nội dung giải trình: Không phát sinh giải trình do lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo biến động không quá 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo không có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán soát xét biến động không quá 5%.

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 để giải trình theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: biasaigonmt.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT *hvt*

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Dũng



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 30 tháng 6 năm 2026. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Ông Phạm Văn Phong
Ông Đoàn Tiến Dũng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành

Phùng Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-04-00026-26-1



Nguyễn Thụy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		726.218.619.336	684.465.643.921
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	117.042.124.899	289.961.690.864
Tiền	111		18.042.124.899	18.961.690.864
Các khoản tương đương tiền	112		99.000.000.000	271.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		240.621.068.496	111.639.802.742
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	240.621.068.496	111.639.802.742
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.562.199.725	55.667.695.867
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	39.382.885.528	49.415.299.589
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.890.655.512	2.957.005.775
Phải thu ngắn hạn khác	135	11	4.364.655.014	4.371.162.949
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	12	(1.075.996.329)	(1.075.996.329)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	223.883
Hàng tồn kho	140	13	232.983.679.053	190.838.969.830
Hàng tồn kho	141		232.983.679.053	190.838.969.830
Tài sản ngắn hạn khác	160		88.009.547.163	36.357.484.618
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		4.099.814.624	3.530.639.904
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		499.024.876	149.183.479
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163		69.267.663	3.911.235
Tài sản ngắn hạn khác	165	19	83.341.440.000	32.673.750.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		352.146.883.502	360.304.259.715
Tài sản cố định	220		260.996.721.693	279.363.333.388
Tài sản cố định hữu hình	221	14	258.170.115.991	276.088.822.178
Nguyên giá	222		1.628.091.946.696	1.622.078.783.453
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.369.921.830.705)	(1.345.989.961.275)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.826.605.702	3.274.511.210
Nguyên giá	228		5.851.724.374	5.851.724.374
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.025.118.672)	(2.577.213.164)
Bất động sản đầu tư	240	16	5.602.305.090	5.774.727.042
Nguyên giá	241		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.193.532.981)	(4.021.111.029)
Tài sản dở dang dài hạn	250		539.950.957	176.336.991
Xây dựng cơ bản dở dang	252	17	539.950.957	176.336.991
Đầu tư tài chính dài hạn	260		975.860.000	975.860.000
Đầu tư vào công ty liên kết	262	9(b)	975.860.000	975.860.000
Tài sản dài hạn khác	270		84.032.045.762	74.014.002.294
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	18	81.993.431.093	71.975.387.625
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		2.038.614.669	2.038.614.669
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.078.365.502.838	1.044.769.903.636

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		426.809.788.583	416.859.195.822
Nợ ngắn hạn	310		414.145.076.738	399.766.717.477
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	70.214.049.065	45.876.180.556
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.536.442.840	9.048.809.618
Phải trả cổ tức	313	21	20.227.603.112	10.342.841.927
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	112.747.161.170	134.302.809.027
Phải trả người lao động	315		33.437.163.684	41.198.287.862
Chi phí phải trả ngắn hạn	318	23	19.761.789.315	2.153.094.557
Doanh thu chưa thực hiện	319	24	787.500.000	262.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	25	17.731.436.141	16.665.643.376
Vay ngắn hạn	321	26	117.592.212.276	134.122.498.485
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	28	6.109.719.135	5.794.052.069
Nợ dài hạn	330		12.664.711.845	17.092.478.345
Phải trả dài hạn khác	338		2.599.405.000	6.899.405.000
Dự phòng phải trả dài hạn	343	27	10.065.306.845	10.193.073.345
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	29	651.555.714.255	627.910.707.814
Vốn cổ phần	411	30	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	131.106.213.485	122.511.852.485
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		221.970.786.077	206.920.140.636
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		141.659.695.636	154.419.507.203
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	420b		80.311.090.441	52.500.633.433
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.078.365.502.838	1.044.769.903.636

Phê duyệt, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	681.657.962.793	656.450.334.465
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	34	277.933.172	164.544.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	34	681.380.029.621	656.285.790.465
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	455.741.715.157	459.650.601.994
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		225.638.314.464	196.635.188.471
Doanh thu hoạt động tài chính	22	36	8.167.423.253	7.885.369.553
Chi phí tài chính	23		1.852.455.199	1.800.941.895
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		1.831.485.949	1.797.916.138
Chi phí bán hàng	25	37	79.750.114.078	55.257.565.775
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	52.958.964.140	46.508.272.537
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		99.244.204.300	100.953.777.817
Thu nhập khác	31		1.576.540.084	1.530.141.128
Chi phí khác	32		297.695.770	1.521.246.481
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.278.844.314	8.894.647
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		100.523.048.614	100.962.672.464
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	20.211.958.173	20.339.377.148
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		80.311.090.441	80.623.295.316

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển từ trang trước)	60		80.311.090.441	80.623.295.316
Phân bổ:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		80.311.090.441	80.623.295.316
Lãi trên cổ phiếu				
			(Điều chỉnh lại)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	2.288	2.266

Phê duyệt, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
		VND	VND
Mã Thuyết số minh			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	100.523.048.614	100.962.672.464
Khấu hao và phân bổ	02	25.930.435.440	25.634.936.011
Các khoản dự phòng	03	-	219.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(56.559.213)	(352.487.059)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(8.086.409.411)	(7.949.904.788)
Chi phí đi vay	06	1.831.485.949	1.797.916.138
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	120.142.001.379	120.312.132.766
Biến động các khoản phải thu	09	(41.660.284.112)	10.688.662.123
Biến động hàng tồn kho	10	(42.144.709.223)	26.041.526.605
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	40.293.483.315	42.180.607.862
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	(10.587.218.188)	(8.324.491.669)
		66.043.273.171	190.898.437.687
Chi phí đi vay đã trả	14	(2.306.649.897)	(1.641.607.156)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.498.096.321)	(30.122.914.611)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.566.244.000	307.270.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.338.343.434)	(24.016.592.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.533.572.481)	135.424.593.000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.607.195.672)	(19.712.871.114)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	53.263.889	426.781.831
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(217.000.000.000)	(153.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	89.000.000.000	46.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	7.603.552.110	4.637.571.347
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(129.950.379.673)	(121.648.517.936)

12042-
II NHÀ
IG TỶ
KPM
HỒ HỒ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026 VND	30/6/2025 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33		482.769.540.058	483.725.789.635
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(499.299.826.267)	(523.239.105.581)
Tiền chi trả cổ tức	36		(19.961.886.815)	(44.786.390.571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.492.173.024)	(84.299.706.517)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(172.976.125.178)	(70.523.631.453)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	289.961.690.864	267.019.457.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và tương đương tiền	61		56.559.213	352.487.059
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	117.042.124.899	196.848.312.953

Phê duyệt, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Người lập:


Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:


Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2026: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2026	1/1/2026
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Phường Quy Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Phú Yên	Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	In ấn	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có 501 nhân viên (1/1/2026: 503 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 dựa trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 và Thông tư 43 có quy định khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Nhóm Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 4(c));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(d));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(m));

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được áp dụng theo Thông tư 99, được mô tả ở Thuyết minh số 3.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên kết. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng các ngoại tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân giữa tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán ra tại thời điểm cuối kỳ kế toán do ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn công bố.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản tiền và tương đương tiền hạn chế sử dụng được ghi nhận ở tài sản ngắn hạn khác trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản tiền và tương đương tiền hạn chế sử dụng được ghi nhận trong khoản mục tiền và tương đương tiền.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, phải thu về cho vay và cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi dồn tích phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày cùng với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu dồn tích được trình bày trong khoản phải thu khác (Thuyết minh 4(e)).

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(d), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong mục các khoản phải thu khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 8 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản tổn thất giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán. Lỗ tổn thất giá trị được hoàn nhập khi giá thị trường tăng trở lại sau khi khoản lỗ tổn thất giá trị được ghi nhận. Lỗ tổn thất giá trị chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư không vượt quá giá gốc ban đầu của tài sản.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 30 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận vào khoản mục cổ tức phải trả trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh 4(m)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận vào khoản mục các khoản phải trả khác.

(m) Phải trả cổ tức

Cổ tức phải trả được ghi nhận tại thời điểm quyền nhận cổ tức của cổ đông được xác lập và nghĩa vụ của Công ty trở thành vô điều kiện.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(l), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận vào khoản mục cổ tức phải trả trên báo cáo tình hình tài chính.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(r) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ/năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Ban Điều hành cho rằng các bộ phận này không bị biến động theo mùa.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất cũng như trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của cùng năm trước.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tiền mặt	734.932.159	1.137.815.467
Tiền gửi không kỳ hạn ngân hàng (a)	17.307.192.740	17.823.875.397
Các khoản tương đương tiền (b)	99.000.000.000	271.000.000.000
	117.042.124.899	289.961.690.864

(a) Tiền gửi không kỳ hạn ngân hàng

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	11.235.428.206	8.613.959.091
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3.812.246.456	5.770.999.288
Các khoản tiền gửi không kỳ hạn khác tại ngân hàng	2.259.518.078	3.438.917.018
	17.307.192.740	17.823.875.397



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản tương đương tiền

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Kỳ hạn gốc (tháng)	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	VND	4,75%	3	33.000.000.000	78.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	VND	4,75%	3	20.000.000.000	47.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	VND	4,75%	3	18.000.000.000	13.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,75%	2	10.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	VND	4,75%	2 - 3	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản tương đương tiền khác	VND	4,75%	3	8.000.000.000	83.000.000.000
				99.000.000.000	271.000.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Loại tiền	Lãi suất	(Phân loại lại)	
			Giá gốc/ Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại:				
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	VND	8,20% - 8,80%	105.640.928.766	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	VND	4,75% - 8,70%	78.081.312.328	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh	VND	7,50% - 7,60%	25.688.383.562	-
▪ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng khác	VND	5,60% - 8,50%	31.210.443.840	-
			240.621.068.496	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2026 và 1/1/2026				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	120.513	20%	975.860.000	975.860.000	-	(*)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có biến động đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	26.668.307.160	-	39.166.065.023	-
Các khách hàng khác	12.714.578.368	(641.492.329)	10.249.234.566	(641.492.329)
	39.382.885.528	(641.492.329)	49.415.299.589	(641.492.329)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan khác				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	26.668.307.160	-	39.166.065.023	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng	2.079.868.818	-	2.198.276.621	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	6.482.630	-	17.860.150	-

Khoản phải thu từ các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải thu lãi tiền gửi	514.821.918	1.050.026.030
Phải thu khác	3.849.833.096	3.321.136.919
	4.364.655.014	4.371.162.949

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	30/6/2026		1/1/2026	
			Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn và khó có khả năng thu hồi						
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Chiến Kim Anh	Hơn 3 năm	641.492.329	(641.492.329)	-	641.492.329	(641.492.329)
Công ty TNHH Quốc Minh E.C.M	Hơn 3 năm	434.504.000	(434.504.000)	-	434.504.000	(434.504.000)
		1.075.996.329	(1.075.996.329)	-	1.075.996.329	(1.075.996.329)

Không có biến động nào đối với khoản dự phòng nợ khó đòi trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.998.800	-	244.500.000	-
Nguyên vật liệu	107.929.647.304	-	89.000.732.492	-
Công cụ và dụng cụ	69.551.727.348	-	62.047.580.869	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.623.258.136	-	23.534.104.664	-
Thành phẩm	25.876.760.269	-	14.982.218.340	-
Hàng hóa	5.999.287.196	-	1.029.833.465	-
	232.983.679.053	-	190.838.969.830	-

Nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm trên cơ sở các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (bao gồm, nhưng không giới hạn, sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp và các tiêu thức phù hợp khác) nhằm đảm bảo việc trình bày giá thành sản phẩm một cách hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	282.650.273.726	1.302.010.165.934	27.760.824.293	8.430.198.561	1.227.320.939	1.622.078.783.453
Tăng trong kỳ	-	1.634.112.000	3.514.505.932	-	-	5.148.617.932
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	2.257.402.024	-	33.910.000	-	2.291.312.024
Thanh lý	-	(1.426.766.713)	-	-	-	(1.426.766.713)
Số dư cuối kỳ	282.650.273.726	1.304.474.913.245	31.275.330.225	8.464.108.561	1.227.320.939	1.628.091.946.696
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	183.067.942.633	1.134.296.783.992	20.063.683.069	7.527.190.565	1.034.361.016	1.345.989.961.275
Khấu hao trong kỳ	6.309.550.770	18.054.893.241	787.455.264	148.202.655	10.006.050	25.310.107.980
Thanh lý	-	(1.378.238.550)	-	-	-	(1.378.238.550)
Số dư cuối kỳ	189.377.493.403	1.150.973.438.683	20.851.138.333	7.675.393.220	1.044.367.066	1.369.921.830.705
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	99.582.331.093	167.713.381.942	7.697.141.224	903.007.996	192.959.923	276.088.822.178
Số dư cuối kỳ	93.272.780.323	153.501.474.562	10.424.191.892	788.715.341	182.953.873	258.170.115.991



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 987.400 triệu VND (1/1/2026: 981.781 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 54.196 triệu VND (1/1/2026: 60.843 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 26).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	445.533.038	5.030.536.436	375.654.900	5.851.724.374
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	2.347.497.713	229.715.451	2.577.213.164
Khấu hao trong kỳ	-	427.990.020	19.915.488	447.905.508
Số dư cuối kỳ	-	2.775.487.733	249.630.939	3.025.118.672
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	445.533.038	2.683.038.723	145.939.449	3.274.511.210
Số dư cuối kỳ	445.533.038	2.255.048.703	126.023.961	2.826.605.702

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 980 triệu VND (1/1/2026: 980 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định vô hình trọng yếu hiện đang được sử dụng:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Các sản phẩm phần mềm ứng dụng Braumat của Siemens	1.063.076.568	1.247.959.446
Lập trình cho việc nâng cấp hệ thống điều khiển	846.418.094	993.621.236
Quyền sử dụng đất	445.533.038	445.533.038
Phần mềm quản trị doanh nghiệp dành cho các doanh nghiệp tự vận hành của Bia Sài Gòn Miền Trung	318.484.959	410.184.957
Các tài sản cố định vô hình khác	153.093.043	177.212.533
	2.826.605.702	3.274.511.210

16. Bất động sản đầu tư

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	3.194.644.090	3.367.066.042
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	5.602.305.090	5.774.727.042

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối năm	7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.021.111.029
Khấu hao trong kỳ	172.421.952
Số dư cuối kỳ	4.193.532.981
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.367.066.042
Số dư cuối kỳ	3.194.644.090

Các bất động sản đầu tư trọng yếu được nắm giữ để cho thuê:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê nhà kho	2.421.499.069	2.543.591.455
Xưởng sản xuất mùn cưa cho thuê	390.659.648	406.080.422
Thuê văn phòng	333.881.801	358.613.783
Các bất động sản đầu tư khác được nắm giữ để cho thuê	48.603.572	58.780.382
	3.194.644.090	3.367.066.042

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.407.661.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các bất động sản đầu tư trọng yếu được nắm giữ chờ tăng giá:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Quyền sử dụng đất P051672	2.000.000.000	2.000.000.000
Quyền sử dụng đất O390040	407.661.000	407.661.000
	2.407.661.000	2.407.661.000

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	176.336.991	11.045.168.644
Tăng trong kỳ	2.654.925.990	17.607.984.137
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	(2.291.312.024)	(10.384.620.083)
Số dư cuối kỳ	539.950.957	18.268.532.698

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Máy rửa két nhựa đựng thùng chứa 1 lít	263.382.685	-
Đường ống thu gom men thải từ bồn lên men A và B	97.671.281	-
Các công trình khác	178.896.991	176.336.991
	539.950.957	176.336.991

18. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuế cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	42.855.867.350	11.251.975.513	12.374.074.916	5.493.469.846	71.975.387.625
Tăng trong kỳ	20.670.764.912	7.741.873.039	-	2.741.668.850	31.154.306.801
Phân bổ trong kỳ	(12.963.167.787)	(4.383.776.945)	(264.988.392)	(1.589.615.275)	(19.201.548.399)
Thanh lý	(1.934.714.934)	-	-	-	(1.934.714.934)
Số dư cuối kỳ	48.628.749.541	14.610.071.607	12.109.086.524	6.645.523.421	81.993.431.093

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tiền gửi ngân hàng bị hạn chế sử dụng	83.341.440.000	32.673.750.000

Khoản tiền gửi ngân hàng bị hạn chế sử dụng đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay cấp cho Nhóm Công ty (Thuyết minh số 26).

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-Ball Việt Nam	12.687.680.556	3.125.946.569
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya	2.932.245.620	4.992.565.248
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	4.069.241.820	4.509.535.421
Các nhà cung cấp khác	50.524.881.069	33.248.133.318
	70.214.049.065	45.876.180.556

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.957.092.867	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng	4.248.602.396	3.218.348.870
Công ty Cổ phần In và Thương mại Phú Yên	801.900.000	583.200.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	39.117.093	71.258.904
Công ty TNHH Cơ khí Sabeco	28.728.000	64.713.600

Khoản phải trả cho các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả cổ tức

	Kỳ hạn thanh toán	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
	Từ tháng 6 năm 2026 đến tháng 8 năm 2026		
Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt		9.741.403.550	-
Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt (*)	Trước năm 2026	10.486.199.562	10.342.841.927
		20.227.603.112	10.342.841.927

(*) Tại ngày lập báo cáo, khoản cổ tức phải trả này bao gồm các khoản cổ tức chưa được một số cổ đông thiếu số đến nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí quảng cáo	4.033.873.676	-
Chi phí tồn thất kết bia	3.217.538.234	-
Chi phí quản lý chung	2.128.455.816	-
Chi phí tham quan học tập	1.808.241.998	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.498.802.215	-
Thưởng hiệu quả tiêu thụ	545.148.000	-
Phí kiểm toán	301.000.002	290.000.000
Tiền thưởng cho việc tiết kiệm chi phí đi vay	300.000.000	-
Chi phí đi vay	143.803.785	468.967.734
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.784.925.589	1.394.126.823
	19.761.789.315	2.153.094.557

24. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản thanh toán trước tiền thuê của khách thuê tại ngày lập báo cáo.

25. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Nhận ký quỹ ngắn hạn	9.551.522.897	6.517.065.027
Quỹ công tác xã hội	1.468.014.326	658.974.548
Bảo hiểm xã hội và công đoàn	984.283.439	227.005.015
Phải trả ngắn hạn khác	5.727.615.479	9.262.598.786
	17.731.436.141	16.665.643.376

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

26. Vay ngắn hạn

	1/1/2026		Biến động trong kỳ		30/6/2026	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	134.122.498.485		482.769.540.058	(499.299.826.267)	117.592.212.276	

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	6.3%	49.827.490.138	73.535.916.598
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	4.0% - 4.7%	67.764.722.138	60.586.581.887
			117.592.212.276	134.122.498.485

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 80.000 triệu VND và chịu mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ mỗi ba tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 43.713 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 48.896 triệu VND) (Thuyết minh 14) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 100.000 triệu VND và chịu mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ hằng tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản tiền gửi tại ngân hàng trị giá 3.180.000 USD (tương đương 83.341.440.000 VND) (1/1/2026: 1.250.000 USD (tương đương 32.673.750.000 VND)) (Thuyết minh số 19). Thời hạn thanh toán tối đa của từng khoản giải ngân là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09- DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

27. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu kỳ	10.193.073.345
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(127.766.500)
Số dư cuối kỳ	10.065.306.845

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.794.052.069	4.871.118.610
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 29)	25.960.000.000	24.090.000.000
Tăng khác	1.566.244.000	307.270.000
Sử dụng trong kỳ	(27.210.576.934)	(23.928.232.920)
Số dư cuối kỳ	6.109.719.135	5.340.155.690



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	298.466.480.000	12.234.693	112.822.276.485	188.085.697.203	599.386.688.381
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	80.623.295.316	80.623.295.316
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.705.627.000	(8.705.627.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(870.563.000)	(870.563.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	298.466.480.000	12.234.693	121.527.903.485	235.042.802.519	655.049.420.697
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	96.228.585.117	96.228.585.117
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	983.949.000	(983.949.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.753.098.000)	(3.753.098.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(227.608.000)	(227.608.000)
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	(119.386.592.000)	(119.386.592.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	298.466.480.000	12.234.693	122.511.852.485	206.920.140.636	627.910.707.814
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	80.311.090.441	80.311.090.441
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.594.361.000	(8.594.361.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	(25.960.000.000)	(25.960.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	(29.846.648.000)	(29.846.648.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(859.436.000)	(859.436.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	298.466.480.000	12.234.693	131.106.213.485	221.970.786.077	651.555.714.255



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025.

31. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 10 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 149.233 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025, trong đó 119.387 triệu VND đã ứng trước cho cổ đông năm 2025 (2025: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 119.387 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-DHCD ngày 10 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 8.594 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 8.706 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

33. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Thời gian ổn định đơn giá thuê đất	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Lô đất 1	31/12/2056	31/12/2025	3.844.888.079	4.272.097.865
Lô đất 2	31/01/2058	30/01/2028	7.088.428.800	9.326.880.000
Lô đất 3	31/12/2048	31/12/2024	900.224.325	555.180.470
Lô đất 4	31/12/2048	31/12/2024	356.081.591	219.260.628
Lô đất 5	31/12/2048	31/12/2024	1.930.970.869	1.187.942.080
Lô đất 6	31/12/2048	31/12/2024	521.803.879	321.305.703
Lô đất 7	31/12/2048	31/12/2024	222.842.813	113.812.296
Lô đất 8	10/10/2036	31/05/2026	41.884.186	62.474.210
Lô đất 9	10/10/2036	09/10/2026	61.431.052	121.946.202
Lô đất 10	10/10/2036	05/03/2025	230.178.854	46.596.548
Lô đất 11	10/10/2036	31/05/2026	300.909.218	448.834.445
Lô đất 12	10/10/2036	31/05/2026	96.312.498	143.659.175
Lô đất 13	31/12/2048	31/12/2048	753.135.941	769.872.296
Xe	31/12/2026	31/12/2026	120.000.000	240.000.000
Văn phòng và nhà kho	31/12/2026	31/12/2026	132.000.000	72.000.000
Văn phòng 1	31/12/2026	31/12/2026	60.000.000	12.000.000
			16.661.092.105	17.913.861.918

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.187.944	83.549.638.902	1.360.714	35.577.419.220
EUR	225	6.627.119	461	14.132.684
		83.556.266.021		35.591.551.904

001
 ÁNH
 TNH
 G
 CHỈ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2026	1/1/2026
		Số lượng	Số lượng
Bia Lowen 330	Két	410	1.316
Lowen Sliver 330	Két	-	95
Bia lon Quy Nhơn 330ml	Két	-	1.332
Bia đóng chai Quy Nhơn	Két	-	145

34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hoá	644.914.350.661	610.866.438.740
▪ Cung cấp dịch vụ	20.580.783.688	29.209.561.962
▪ Doanh thu khác	16.162.828.444	16.374.333.763
	681.657.962.793	656.450.334.465
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	277.933.172	164.544.000
	681.380.029.621	656.285.790.465

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

35. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn hàng đã bán	447.838.562.068	448.274.491.270
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	564.723.446	2.115.111.688
▪ Giá vốn khác	7.338.429.643	9.260.999.036
	455.741.715.157	459.650.601.994

36. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.081.673.685	7.522.768.607
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.559.213	352.487.059
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.190.355	10.113.887
	8.167.423.253	7.885.369.553

37. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.914.267.212	8.501.820.867
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	11.160.485.357	10.149.778.012
Chi phí khấu hao và phân bổ	275.791.115	233.084.256
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	6.845.848.674	2.611.094.996
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	22.422.342.829	16.223.668.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.400.295.199	8.159.469.727
Chi phí bán hàng khác	9.731.083.692	9.378.649.568
	79.750.114.078	55.257.565.775

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	25.179.739.814	23.382.861.714
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.896.024.130	1.978.918.607
Chi phí thuê	4.493.457.743	3.928.071.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.986.352.526	2.831.230.465
Chi phí quản lý khác	18.403.389.927	14.387.190.189
	52.958.964.140	46.508.272.537

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	370.102.371.700	349.850.949.746
Chi phí nhân công và nhân viên	81.758.872.493	76.148.623.060
Chi phí khấu hao và phân bổ (*)	25.930.435.440	25.634.936.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.055.038.206	41.012.604.476
Chi phí khác	75.733.935.968	56.351.064.120

(*) Trong kỳ, chi phí khấu hao và phân bổ đã bao gồm khấu hao các tài sản phục vụ sản xuất điện năng lượng mặt trời và giếng khoan với số tiền lần lượt là 533.057.904 VND và 197.821.512 VND.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	20.101.754.681	20.192.534.493
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	110.203.492	146.842.655
	20.211.958.173	20.339.377.148

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.523.048.614	100.962.672.464
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.101.754.681	20.192.534.493
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	110.203.492	146.842.655
	20.211.958.173	20.339.377.148

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	80.311.090.441	80.623.295.316
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến (*)	(12.030.000.000)	(11.903.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	(1.076.500.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	68.281.090.441	67.643.295.316

(*) Khoản phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ hoạt động xã hội được ước tính dựa trên số tiền dự toán đã được cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(**) Khoản phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại dựa trên số tiền thực tế được cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại thành 2.266 VND/cổ phiếu dựa trên số tiền điều chỉnh đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 2.302 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.288	2.266



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	8.515.500.000	3.791.000.000
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	169.714.893.811	197.495.245.253
Bán hàng hóa khác	33.280.000	167.829.960
Mua nguyên vật liệu	110.538.393.033	122.311.929.854
Cổ tức đã trả	-	14.426.044.500
Cổ tức phải trả	9.617.363.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	158.981.400	158.981.400
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán bao bì luân chuyển	294.202.900	433.328.454
Mua pallet	314.030.069	162.286.079
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco		
Mua công cụ dụng cụ	312.064.493	389.769.000
Mua tài sản cố định	468.750.000	-
Mua dịch vụ	-	1.696.760.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây – Nhà máy Cồn Rượu Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	440.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	43.423.876.064	31.850.490.121
Bán hàng hóa khác	2.471.329.299	1.829.381.992
Cung cấp dịch vụ	173.300.000	176.068.824
Nhận ký cược vỏ két	50.500.000	274.850.000
Mua hàng hóa	118.747.632	58.792.778
Mua nguyên vật liệu	8.957.139.940	7.789.537.078
Mua dịch vụ	23.102.954.803	14.056.702.503

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Thù lao của nhân sự quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ban Điều hành		
<i>Lương và thưởng</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	451.080.000	410.100.000
Ông Võ Thanh Điền – Phó Tổng Giám đốc	300.060.000	332.820.000
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng ban Kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	48.000.000	48.000.000

43. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Phí dịch vụ soát xét thông tin tài chính	234.000.000	220.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

44. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi chính sách kế toán và áp dụng phi hồi tố. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Mã số	1/1/2026 (đã phân loại lại) VND	1/1/2026 (đã báo cáo trước đó) VND
Tiền	111	18.961.690.864	51.635.440.864
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	111.639.802.742	109.000.000.000
Các khoản phải thu khác	135	4.371.162.949	7.010.965.691
Tài sản ngắn hạn khác	165	32.673.750.000	-
Phải trả cổ tức	313	10.342.841.927	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	16.665.643.376	27.008.485.303

Phê duyệt, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc